

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/DSST

Ngày 29/11/2019

V/v “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy và bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/QĐHPT- DS ngày 12/11/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Mạnh T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971; ĐKKHKT và cư trú tại: Số 119 BT, phường TB, thành phố HD, tỉnh HD.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H là ông Đỗ Mạnh T, sinh năm 1968; ĐKKHKT và cư trú tại: Số 119 BT, phường TB, thành phố HD, tỉnh HD.

(Ông T và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967; ĐKKHKT và cư trú tại: Số 420 NLB, khu 11, phường TB, thành phố HD, tỉnh HD.

(Ông Th vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Mạnh T trình bày:

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, ông Đỗ Mạnh T, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Th ký kết hợp đồng mua bán nhà ở. Theo nội dung của hợp đồng mua bán nhà ở ông T, bà H chuyển nhượng cho ông Th 442,2m² đất và tài sản gắn liền với đất là nhà biệt thự 03 tầng tại số 119 BT, thành phố HD, tỉnh HD. Thửa đất này đã được UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 15/4/2010 mang tên ông Đỗ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Thu H, gồm: 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA860872; số BA860873; số BA860874, số BA860875 với số tiền là 25 tỷ đồng và ông Th đã đặt cọc tiền mua bán nhà đất này là 01 tỷ đồng trong thời hạn 90 ngày để ông T, bà H cung cấp bản gốc 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và bàn giao nhà đất. Ngay sau khi hoàn thành thủ tục sang tên, ông Th thanh toán toàn bộ số tiền còn lại là 24 tỷ đồng trả ông T, bà H và ông T, bà H bàn giao tài sản cho ông Th trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng này. Tuy nhiên, vì lý do khách quan ông T, bà H chưa thực hiện được nên hai bên đã xảy ra tranh chấp. Ông Th đã khởi kiện ông T, bà H ra Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương yêu cầu ông T, bà H phải thực hiện đúng hợp đồng. Trong quá trình giải quyết, hai bên đã thương lượng và ông Th đã rút đơn khởi kiện. Ngày 16/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2019/QĐST-DS. Sau đó, ông T và bà H đề nghị trả lại tiền đặt cọc cho ông Th nhưng ông Th đề nghị phạt cọc nên tranh chấp vẫn chưa được giải quyết.

Về quá trình giao kết thực hiện hợp đồng mua bán nhà ở với ông Th, ông T và bà H đã thông báo rõ cho ông Th là đối tượng của Hợp đồng mua bán nhà ngày 10/10/2017 đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số LN2110049/KCCNHD ngày 25/11/2010 nhưng ông Th vẫn thống nhất đồng ý và tự nguyện ký kết hợp đồng mua bán nhà ở trên. Ông T, bà H và ông Th cùng thống nhất sau khoảng thời gian 1-2 tháng thì ông T, bà H sẽ làm thủ tục xóa thế chấp, rút tài sản ra để thực hiện đúng quy định pháp luật về việc mua bán nhà ở. Nội dung này hai bên chỉ thỏa thuận miệng mà không ghi vào trong hợp đồng.

Về tài sản nhà đất tại số 119 BT, phường TB, thành phố HD ông T và bà H đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Hợp Thành tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương. Hiện nay, Công ty Cổ phần Hợp Thành đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tuyên bố phá sản và tài sản nhà đất này đang được Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương xem xét xử lý. Chính vì tài sản nhà đất là đối tượng của hợp đồng mua bán nhà ở ngày 10/10/2017 không còn nên ông T và bà H không thực hiện được

thủ tục giải chấp như cam kết với ông Th. Vì vậy, ông T và bà H đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 10/10/2017 vô hiệu và ông T, bà H có trách nhiệm trả ông Th số tiền 1 tỷ đồng ông Th đã đặt cọc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Th nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do. Ngày 28/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương nhận được đơn có tiêu đề “Đơn yêu cầu phản tố” của ông Nguyễn Văn Th (gửi bằng đường bưu chính, bì thư có dấu bưu điện Thanh Bình ngày 25/10/2019), đơn có nội dung: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 10/10/2017 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Đối với yêu cầu này ông có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án tuyên buộc nguyên đơn phải thực hiện đúng Hợp đồng mua bán nhà ở này, đồng thời bàn giao cho ông diện tích 442,2 m² và tài sản gắn liền với đất là nhà biệt thự 03 tầng tại số 119 BT, thành phố HD, tỉnh HD. Lý do yêu cầu: Ngày 10/10/2017, ông và nguyên đơn đã ký kết hợp đồng mua bán nhà ở, theo đó nguyên đơn chuyển nhượng cho ông diện tích đất 442,2m² và tài sản gắn liền với đất là nhà biệt thự 03 tầng tại số 119 BT, thành phố HD, tỉnh HD. Theo Điều 5 Hợp đồng nguyên đơn có trách nhiệm bàn giao nhà đất cho ông trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Việc bàn giao giấy tờ được thực hiện sau khi hoàn thiện thủ tục sang tên. Thế nhưng sau khi nhận tiền và hết thời hạn nêu trên, nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ giao nhà. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu phản tố trên của ông dẫn đến loại trừ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của ông.

Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Văn Th vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 385, Điều 398, Điều 407, Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Mạnh T bà Nguyễn Thị Thu H, tuyên bố Hợp đồng mua bán nhà ở giữa ông T, bà H xác lập với ông Nguyễn Văn

Th ngày 10/10/2017 vô hiệu. Ông T và bà H có nghĩa vụ hoàn trả ông Th số tiền 01 tỷ đồng đặt cọc.

+ Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Đỗ Mạnh T, bà Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương tuyên bố Hợp đồng mua bán nhà ở được ký kết ngày 10/10/2017 giữa ông Đỗ Mạnh T, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Th vô hiệu. Đây là “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Văn Th hiện đang ở địa chỉ: Số 420 Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

1.2. Về sự vắng mặt của đương sự:

- Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Văn Th. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự và nội dung tranh chấp:

Xét Hợp đồng mua bán nhà ở ký kết giữa ông T, bà H và ông Th ngày 10/10/2017 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm 04 quyền sử dụng đất số BA860872, số BA860873, số BA860874, số BA860875 đều do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương cấp ngày 15/4/2010 mang tên ông Đỗ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Thu H được lập thành văn bản, ký kết giữa 2 bên có đủ năng lực hành vi dân sự nhưng không được các bên thực hiện việc công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

Tài sản giữa ông T, bà H và ông Th khi ký kết hợp đồng mua bán nhà ở trên đã được ông T, bà H thế chấp tại Ngân hàng TMCP công Thương Việt Nam -

Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương để đảm bảo nghĩa vụ cho Công ty CP Hợp Thành theo Quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2014/KDTM-ST ngày 30/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 07/2016/KDTM-ST ngày 09/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 171/2016/KDTM-PT ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2017/QĐ-TBPS ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2014/KDTM-ST ngày 30/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 07/2016/KDTM-ST ngày 09/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 171/2016/KDTM-PT ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2017/QĐ-TBPS ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Xét đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương đã ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 20/QĐ-CTHADS ngày 20/10/2017 để thi hành các bản án nêu trên, trong đó có nội dung: nếu Công ty cổ phần Hợp Thành không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành phát mãi tài sản đã thế chấp để thi hành án là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba gồm: Nhà biệt thự 03 tầng nằm trên 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA860872; số BA860873; số BA860874, số BA860875 đều do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương cấp ngày 15/4/2010, tổng diện tích 442,2m² mang tên ông Đỗ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Thu H; Ngày 09/7/2018, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ra Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 03/QĐ-CTHADS để kê biên, xử lý tài sản là nhà đất của ông Đỗ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Thu H theo quy định của Luật thi hành án dân sự; Ngày 26/9/2019, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương đã ký Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản số 1331/HDDV với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hải Dương để thực hiện bán đấu giá các tài sản cưỡng chế kê biên, trong đó có các tài sản là đối tượng của Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 10/10/2017.

Từ nhận định trên, xác định Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 10/10/2017 được ký kết giữa ông T, bà H và ông Th đã vi phạm các điều kiện của giao dịch dân sự về hình thức và nội dung, ngay tại thời điểm ký hợp đồng mua bán nhà ở đã không phát sinh hiệu lực pháp luật do không có đối tượng để thực hiện hợp đồng được; Hợp đồng mua bán tài sản này không được công chứng thực, chứng thực theo quy định của pháp luật nên giao dịch hợp đồng mua bán này là vô hiệu theo quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 123; Điều 129; Điều 407; Điều 408 Bộ luật dân sự.

[3]. Trong quá trình giao dịch mua bán tài sản nhà, đất của ông T và bà H, ông Th biết rõ tài sản này đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP công Thương Việt Nam nhưng ông Th vẫn thực hiện giao dịch mua bán nhà đất nên xác định lỗi do hai bên. Theo khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự quy định: *“Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận...”*. Sau khi ký kết hợp đồng mua nhà ông Th đã đặt cọc 01 tỷ đồng cho ông T và bà H, ông T và bà H chưa bàn giao nhà cho ông Th nên yêu cầu trả lại tiền đặt cọc của vợ chồng ông T, bà H cho ông Th có căn cứ chấp nhận. Từ nhận định trên, yêu cầu ông T, bà H phải trả ông Th số tiền đặt cọc là 01 tỷ đồng (một tỷ đồng).

[4]. Ngày 28/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương nhận được đơn với tiêu đề “Đơn yêu cầu phản tố” của ông Nguyễn Văn Th về việc đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương tuyên buộc nguyên đơn phải thực hiện đúng hợp đồng mua bán nhà giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết ngày 10/10/2017, đồng thời bàn giao cho ông Th 442,2 m² đất và tài sản gắn liền với đất là nhà biệt thự 03 tầng tại số 119 BT, thành phố HD, tỉnh HD.

Theo đơn khởi kiện của ông Đỗ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Thu H thì ông T, bà H đã đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương: Tuyên bố “Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 10/10/2017 giữa ông Đỗ Mạnh T, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Th vô hiệu, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết về hậu quả Hợp đồng vô hiệu”, cụ thể: vợ chồng ông T, bà H trả lại ông Th 01 tỷ đồng tiền đặt cọc. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật TTDS thì nội dung ông Th ghi trong đơn có tiêu đề “Đơn yêu cầu phản tố” của ông Th chỉ là ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như đã phân tích tại phần trên Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 10/10/2017 giữa ông T, bà H và ông Th đã vi phạm các điều kiện của giao dịch dân sự về hình thức và nội dung, ngay tại thời điểm ký hợp đồng mua bán nhà ở đã không phát sinh hiệu lực pháp luật do không có đối tượng để thực hiện hợp đồng, tài sản các bên giao dịch đang được thế chấp tại Ngân hàng là vi phạm điều cấm của pháp luật; Hợp đồng mua bán tài sản này không được công chứng thực, chứng thực theo quy định của pháp luật nên giao dịch hợp đồng mua bán này là vô hiệu theo quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 123, Điều 129, khoản 8 Điều 320; Điều 407, Điều 408 Bộ luật dân sự và hậu quả của Hợp đồng vô hiệu đã được ông T, bà H đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của ông Th về việc thụ lý đơn có tiêu đề yêu cầu phản tố của ông Th.

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 01 (một) tỷ đồng phải trả cho ông Th theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, **Điều 123, Điều 129**, Điều 131, khoản 8 Điều 320, Điều 407, Điều 408 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Mạnh T, bà Nguyễn Thị Thu H.

1.1. Tuyên bố Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 10/10/2017 giữa ông Đỗ Mạnh T, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Th vô hiệu.

1.2. Ông Đỗ Mạnh T, bà Nguyễn Thị Thu H phải trả ông Nguyễn Văn Th số tiền đặt cọc theo giấy biên nhận tiền ngày 10/10/2017 là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng chẵn).

[2]. Về án phí:

2.1. Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm;

2.2. Hoàn trả ông Đỗ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Thu H 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0007033 ngày 15 tháng 7 năm 2019.

2.3. Ông Đỗ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm

[3]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; Tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Mai Hoa